**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Môn: TIẾNG VIỆT; Lớp 1**

**Bài 127: oang oac; Tiết: 284+ 285**

**Thời gian thực hiện: Ngày 27 tháng 02 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết vần **oang**, vần **oac**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oang, oac**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oang**, vần **oac**.

- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc **Thỏ trắng và quạ khoang**.

- Viết đúng các vần **oang, oac**, các tiếng **khoang** (tàu), (áo) **khoác** cỡ vừa (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**a. Giáo viên:**

- Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

**b. Học sinh:**

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

- Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn

- Bảng cài, bộ

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2ph**  **20ph**  **10ph**  **5ph**  **15ph**  **10ph** | **1. Hoạt động mở đầu:** Ổn định lớp  -Cả lớp hát  **2. Hoạt động hình thành kiến thức:**  DẠY BÀI MỚI  **Giới thiệu bài**: vần **oang**, vần **oac**.  **Hoạt động 1: *Dạy vần oang***  - GV viết: **o, a, ng**. HS: **o - a - ngờ - oang.**  - HS nói: khoang tàu. Tiếng **khoang** có vần **oang**. Phân tích vần **oang**: âm **o** đứng trước, **a** đứng giữa, **ng** đứng cuối. / Đánh vần, đọc trơn: o - a - ngờ - oang / khờ - oang - khoang/ khoang tàu.  **Hoạt động 2: *Dạy vần oac*** (như vần **oang**)  \* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần, từ khoá: **oang, khoang tàu; oac, áo khoác**.  **3.Hoạt động luyện tập, thực hành:**  **Hoạt động 1:*Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần **oang**? Tiếng nào có vần **oac**?)  - Vài HS cùng đánh vần, cả lớp đọc trơn từng từ ngữ: **nứt toác, xoạc chân**, ...  - HS tìm tiếng có vần oang, vần oac; mời 1 nhóm 3 – 4 HS chơi trò chơi truyền điện. VD với tốp có 4 HS (Hà, Lê, Sơn, Nam):  + HS 1 (Hà) chỉ HS 2 (Lê) nêu YC: Bạn Lê nói tiếng có vần **oang**.  + HS 2 (Lê) đáp: quạ khoang. Tiếng **khoang** có vần **oang**.  + Sau đó HS 2 (Lê) chỉ HS 3 (Sơn), nêu YC: Bạn Sơn nói tiếng có vần **oac**.  + HS 3 (Sơn) đáp: xoạc chân. Tiếng **xoạc** có vần **oac**.  + HS 3 (Sơn) chỉ HS 1 (Hà): Bạn Hà nói tiếng có vần **oac**.  + HS 1 (Hà): nứt toác. Tiếng **toác** có vần **oac**.  + HS 1 (Hà) chỉ HS 4 (Nam): Bạn Nam nói tiếng có vần **oang**.  + HS 4 (Nam): áo choàng. Tiếng **choàng** có vần **oang.**  v.v.  (Nếu HS nói tiếng có vần **oang, oac** ở ngoài bài cũng không sao).  - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng toác có vần oac. Tiếng khoang có vần oang,...  **Hoạt động 2: *Tập viết*** (bảng con - BT 4).  a) HS đọc các vần, tiếng: **oang, oac**, khoang tàu, áo khoác.  b) Viết vần: **oang, oac**  - 1 HS đọc vần **oang**, nói cách viết.  - GV viết vần **oang**, hướng dẫn cách nối nét giữa **o** và **a**, giữa **n** và **g**./ Làm tương tự với vần oac.  - HS viết**: oang, oac** (2 lần).  c) Viết: **khoang** (tàu), (áo) **khoác**  - GV viết tiếng khoang, hướng dẫn cách lia bút khi kết thúc kh để viết tiếp oang. / Làm tương tự với khoác, dấu sắc đặt trên a.  - HS viết: khoang (tàu), (áo) khoác (2 lần).  **TIẾT 2**  **4. Hoạt động vận dụng:**  ***Tập đọc*** (BT 3)  a) GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài Thỏ trắng và quạ khoang: Quạ khoang đang bay lên, chó đuổi theo thỏ trắng. Thỏ trắng chạy vắt chân lên cổ. Giải nghĩa từ: quạ khoang (loài chim quạ, lông đen nhưng phía sau cổ, trên lưng, và một dải quanh ngực có màu trắng, có cánh dài, mỏ dài, hay bắt gà con).  b) GV đọc mẫu, giọng hồi hộp ở đoạn kể chó vồ quạ, đuổi bắt thỏ. Giải nghĩa từ: **khoác lác** (nói phóng lên cho oai, không có thật); **tẽn tò** (cảm giác ngượng, xấu hổ, bị hẫng vì nhầm lẫn); **bẽn lẽn** (dáng rụt rè, thiếu tự tin vì thẹn, xấu hổ).  c) Luyện đọc từ ngữ: **quạ khoang, khoe, biết bay, khoác lác, tẽn tò, nhảy lên, lao tới, nhanh như cắt, rối rít, bẽn lẽn**.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài có 12 câu.  - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Có thể đọc liền 2 cầu ngắn, đọc liền 3 câu cuối bài..  - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2, 3 câu) (cá nhân, từng cặp). Chú ý nghỉ hơi câu dài để không bị hụt hơi: Thỏ thấy vậy / bèn nhảy lên mô đất...  e) Thi đọc từng đoạn, cả bài (chia bài làm 3 đoạn: mỗi đoạn 4 câu).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC, mời 1 HS đọc 3 ý.  - HS làm bài trong VBT.  - 1 HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng ý, cả lớp đồng thanh:  a) Thỏ mắng quạ khoác lác. (Sai)  b) Thỏ dũng cảm, mưu trí cứu quạ. (Đúng)  c) Quạ cảm ơn thỏ. (Đúng).  \* Cả lớp đọc 8 vần vừa học trong tuần (SGK, chân trang 60).  **5. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.  - Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | **-**HS hát  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe theo dõi  -HS thực hiện  -HS đánh vần đọc trơn  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS thi xếp cà rốt  -HS báo cáo  -HS đọc  -HS đọc  -HS thực hiện  -HS lắng nghe theo dõi  -HS thực hiện  -HS lắng nghe theo dõi  -HS thực hiện  -HS lắng nghe theo dõi  -HS lắng nghe theo dõi  -HS đọc  -HS trả lời  -HS đọc  -HS thi đọc  -HS lắng nghe  -HS trả lời  -HS thực hiện  -HS thực hiện  -HS thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................**